

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 02 - 2024
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà Bùi Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Bá Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2023/TLST–HNGĐ ngày 12/10/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn C, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn 3, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Bùi Văn C là vợ chồng đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 17/4/2017, việc kết hôn là tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó do ông C đi làm xa, ít về nhà, không quan tâm tới vợ con nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Bà T và ông C đã sống ly thân từ năm 2019 đến

nay, trong quá trình sống ly thân Bà T và ông C không còn quan tâm tới nhau, ai sống biết bổn phận người đấy. Nay Bà T nhận thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Bùi Văn C.

Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung là Bùi Tuấn K, sinh ngày 13/08/2017. Hiện nay, con đang sống với Bà T. Khi ly hôn, Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Bùi Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp văn bản và tài liệu chứng cứ cho Tòa án.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Đề nghị HĐXX tuyên xử cho bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Bùi Văn C.

+ Về con chung: Giao cháu Bùi Tuấn K, sinh ngày 13/08/2017 cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk theo quy định tại Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu

tập **hợp lệ lần** thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên năm 2017. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh và lời khai của nguyên đơn cho thấy, nguyên đơn và bị đơn đã không còn chung sống từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn không chấp hành, không đến Tòa án để làm việc, như vậy bị đơn đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng là thực tế và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Con chung của nguyên đơn và bị đơn là Bùi Tuấn K, sinh ngày 13/08/2017, hiện đang sinh sống cùng nguyên đơn. Nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và nguyên đơn có khả năng lao động đáp ứng đầy đủ cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con sau khi ly hôn. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con Bùi Tuấn K, cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung và tài sản chung:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000616 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Bùi Văn C.

- Về con chung: Giao con Bùi Tuấn K, sinh ngày 13/08/2017 cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000616 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M;
- Đương sự;
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà